TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2026/DS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Hoàng Bảy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông C. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Bà N. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày:* Ông C, bà N làm chủ nhiều dây hụi, bà L là hụi viên tham gia chơi 02 dây hụi tuần của ông C, bà N cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi tuần 5.000.000 đồng, mở ngày 03/01/2025 (chết 18.000.000 đồng, sống 4.000.000 đồng) phối 01 người 22.500.000 đồng, tổng số tiền của dây hụi này là 90.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi tuần 5.000.000 đồng, mở ngày 03/01/2025 (chết 8.000.000 đồng, sống 14.000.000 đồng) phối 01 người 8.700.000 đồng, tổng số tiền của dây hụi này là 70.000.000 đồng.

Tổng cộng là 160.000.000 đồng. Ông C, bà N đã trả trước cho bà L số tiền là 24.000.000 đồng, nên còn nợ lại số tiền là 136.000.000 đồng. Bà L cũng đồng ý trừ tiền đầu thảo cho ông C, bà N số tiền là 6.000.000 đồng, còn lại là 130.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2025, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 136.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Tại buổi hòa giải ngày 30/12/2025, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Về việc ông C, bà N xin trả dần số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L với mức 20.000.000 đồng mỗi 06 tháng một lần thì bà L không đồng ý, bà L yêu cầu ông C, bà N trả số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L trong một lần. Nếu hai bên không thỏa thuận được về phương thức trả nợ thì bà L đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bà L xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn ông C, bà N trình bày:* Qua yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà L nêu trên thì ông C, bà N cũng thừa nhận hiện nay ông C, bà N còn nợ bà L số tiền hụi là 130.000.000 đồng.

Ông C, bà N cũng đồng ý trả số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L, nhưng do ông C, bà N đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên xin trả dần số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L với mức 20.000.000 đồng mỗi 06 tháng một lần; việc bà L yêu cầu ông C, bà N trả số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L trong một lần thì ông C, bà N không đồng ý do hiện nay ông C, bà N không có khả năng. Nếu hai bên không thỏa thuận được về phương thức trả nợ thì ông C, bà N đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông C, bà N xin được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi tại buổi hòa giải ngày 30/12/2025 như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 136.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy

định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông C và bà N là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2025, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 136.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 30/12/2025, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà L phát sinh từ việc giữa hai bên có thỏa thuận trừ tiền đầu thảo với nhau, không phải là việc bà L đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền nợ hụi nào khác nên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L, ông C và bà N vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[6] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông C và bà N thống nhất thừa nhận bà L có tham gia 02 dây hụi tuần 5.000.000 đồng mở cùng ngày 03/01/2025 do ông C và bà N làm chủ hụi, tính đến thời điểm hiện nay ông C và bà N còn nợ bà L số tiền hụi là 130.000.000 đồng; ông C và bà N cũng đồng ý trả cho bà L toàn bộ số tiền này, hai bên chỉ không thống nhất về phương thức trả nợ. Sự thừa nhận này của bà L, ông C và bà N là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông C và bà N nợ bà L số tiền hụi là 130.000.000 đồng là sự thật, cho đến nay ông C và bà N chưa trả số tiền này cho bà L là vi phạm thỏa thuận về góp hụi đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, việc bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà N cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông C và bà N xin trả dần số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L với mức 20.000.000 đồng mỗi 06 tháng một lần cho đến khi dứt nợ thì bà L không đồng ý; bà L yêu cầu ông C và bà N trả số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng cho bà L trong một lần thì ông C và bà N không đồng ý. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền hụi còn nợ theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng, hàng quý…) với số tiền phải trả từng lần là bao nhiêu thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và

chuyển sang giai đoạn thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau về phương thức trả số tiền hụi còn nợ tại cơ quan thi hành án.

[8] Bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giải quyết buộc ông C và bà N phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm; ông C và bà N phải cùng chịu án phí sơ thẩm là 130.000.000 đồng x 5% = 6.500.000 đồng tương ứng trên số tiền hụi còn nợ bị Tòa án buộc trả cho bà L, nhưng do ông C và bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm nên ông C và bà N được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 288, 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông C và bà N trả số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng.

Buộc ông C và bà N phải cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền hụi còn nợ là 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông C và bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp là 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010859, ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông C và bà N được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà L, ông C và bà N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (03);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS TPCT (01);
- TAND TPCT (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt